

TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN  
TRUNG TÂM TIN HỌC

BẢNG ĐIỂM HỌC VIÊN DỰ THI ĐỢT ĐỢT 1 THÁNG 05/2025  
CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CNTT CHUẨN CƠ BẢN

Thời gian: 07h00 \* Ngày thi: 11/05/2025

Ghi chú: Các học viên có kết quả "Không đạt" phải tự theo dõi lịch thi các đợt tiếp theo và đăng ký thi lại các phần thi được tô màu đỏ(không đạt phần thi nào thì thi lại phần thi đó). Phần Cơ bản không đạt sẽ bị hủy điểm thi phần Nâng cao theo đúng nội dung thông báo.

| TT | MÃ HỌC VIÊN | HỌ VÀ TÊN        | NGÀY SINH | NƠI SINH   | LỚP        | ĐIỂM THI |      |         | GHI CHÚ   |  |
|----|-------------|------------------|-----------|------------|------------|----------|------|---------|-----------|--|
|    |             |                  |           |            |            | KTC      | THUD | KẾT QUẢ |           |  |
| 1  | 29206126060 | Đinh Hồ Quỳnh    | Anh       | 23/05/2005 | Gia Lai    | 31TBN3   | 8.7  | 6.3     | Đạt       |  |
| 2  | 28216546285 | Nguyễn Văn Tú    | Anh       | 09/09/2004 | Nghệ An    | 31SSC2   | 5.7  | 5.4     | Đạt       |  |
| 3  | 27202129437 | Trần Thị Thúy    | Anh       | 05/12/2003 | Quảng Trị  | 31CSC1   | 4.7  | 4.3     | Không Đạt |  |
| 4  | 28212302855 | Lương Công Hoài  | Bảo       | 02/12/2004 | Gia Lai    | 31THT3   | 6.3  | 6.8     | Đạt       |  |
| 5  | 28214834178 | Võ Thị Như       | Bình      | 04/06/2004 | Quảng Nam  | 31TBN3   | 8.0  | 4.3     | Không Đạt |  |
| 6  | 28206504467 | Phạm Thị Thu     | Cầm       | 24/03/2004 | Quảng Ngãi | 31THT3   | 7.3  | 9.0     | Đạt       |  |
| 7  | 28204603246 | Nguyễn Thị Thanh | Châu      | 14/08/2004 | Bình Định  | 31THT3   | 6.0  | 5.3     | Đạt       |  |
| 8  | 28206205278 | Trần Thị Kim     | Chi       | 05/12/2004 | Quảng Ngãi | 31SSC2   | 8.3  | 7.0     | Đạt       |  |
| 9  | 28212301475 | Nguyễn Văn       | Chiến     | 11/02/2004 | Gia Lai    | 31THT3   | 6.0  | 5.5     | Đạt       |  |
| 10 | 28212350627 | Nguyễn Văn       | Chung     | 20/01/2004 | Đắk Lắk    | 31THT3   | 7.3  | 9.0     | Đạt       |  |
| 11 | 28206505490 | Phạm Thị Kỳ      | Diệu      | 07/05/2004 | Quảng Ngãi | 31SSC2   | 3.7  | 7.0     | Không Đạt |  |
| 12 | 28206504655 | Võ Thùy          | Dung      | 30/04/2004 | Quảng Trị  | 31THT3   | 7.7  | 6.9     | Đạt       |  |
| 13 | 27206145563 | A Viết           | Duy       | 19/07/2003 | Quảng Nam  | 31THT3   | 6.3  | 2.0     | Không Đạt |  |
| 14 | 28205203242 | Phạm Thị Hương   | Giang     | 19/10/2004 | Quảng Bình | 31SSC2   | 7.7  | 5.8     | Đạt       |  |
| 15 | 27211336231 | Đoàn Minh        | Hà        | 22/01/2003 | Quảng Bình | 31TBN3   | 6.7  | 3.8     | Không Đạt |  |
| 16 | 28204647820 | Võ Thị Thu       | Hà        | 08/08/2004 | Quảng Nam  | 31SSC2   | 6.0  | 9.0     | Đạt       |  |
| 17 | 28205024480 | Đặng Thị Kim     | Hạnh      | 05/11/2004 | Đà Nẵng    | 31TBN3   | 5.3  | 6.9     | Đạt       |  |
| 18 | 28204506303 | Dương Thị Mỹ     | Hạnh      | 08/05/2004 | Quảng Ngãi | 31TBN3   | 5.3  | 9.5     | Đạt       |  |
| 19 | 28204602826 | Nguyễn Thị Thanh | Hạnh      | 28/11/2004 | Quảng Nam  | 31THT3   | 9.7  | 10.0    | Đạt       |  |
| 20 | 28212302771 | Nguyễn Phi       | Hoàng     | 06/08/2004 | Gia Lai    | 31THT3   | 5.0  | 6.9     | Đạt       |  |
| 21 | 27217240771 | Nguyễn Bá        | Hùng      | 09/02/2003 | Nghệ An    | 31TBN3   | 5.3  | 5.0     | Đạt       |  |
| 22 | 27217202852 | Dương Viết Thái  | Hung      | 13/08/2002 | Quảng Bình | 30CBN12  | 6.7  | 7.5     | Đạt       |  |
| 23 | 28212353188 | Hà Nhật          | Huy       | 06/05/2004 | Quảng Bình | 31THT3   | 7.7  | 6.0     | Đạt       |  |
| 24 | 29215165152 | Bùi Nam          | Khải      | 23/02/2005 | Quảng Ngãi | 31THT1   | V    | 5.3     | Không Đạt |  |
| 25 | 28213138590 | Đặng Anh         | Khoa      | 29/01/2004 | Đà Nẵng    | 31SSC1   | 5.0  | 3.4     | Không Đạt |  |
| 26 | 28213142757 | Trương Văn Hoàng | Lâm       | 08/10/2004 | Quảng Nam  | 31THT3   | 8.0  | 6.8     | Đạt       |  |
| 27 | 27207227000 | Đặng Hằng Mai    | Linh      | 04/11/2003 | Hà Tĩnh    | 31TBN3   | V    | V       | Không Đạt |  |
| 28 | 28205153577 | Nguyễn Thị Diệu  | Linh      | 01/03/2004 | Gia Lai    | 31SSC2   | 7.7  | 9.5     | Đạt       |  |
| 29 | 28204606822 | Phạm Thị Thùy    | Linh      | 20/05/2004 | Quảng Nam  | 31TBN3   | 5.3  | 9.5     | Đạt       |  |
| 30 | 28205034452 | Lương Thị Tuyết  | Loan      | 22/06/2004 | Hậu Giang  | 31TBN3   | 6.0  | 7.9     | Đạt       |  |
| 31 | 27211320995 | Lê Quang         | Lưu       | 11/10/2003 | Quảng Trị  | 31THT3   | 7.3  | 6.1     | Đạt       |  |
| 32 | 28209350805 | Nguyễn Ngọc      | Mai       | 23/06/2004 | Đà Nẵng    | 31SSC2   | 6.7  | 7.0     | Đạt       |  |

Ghi chú: Các học viên có kết quả "Không đạt" phải tự theo dõi lịch thi các đợt tiếp theo và đăng ký thi lại các phần thi được tô màu đỏ(không đạt phần thi nào thì thi lại phần thi đó). Phần Cơ bản không đạt sẽ bị hủy điểm thi phần Nâng cao theo đúng nội dung thông báo.

| TT | MÃ HỌC VIÊN | HỌ VÀ TÊN       | TÊN    | NGÀY SINH  | NƠI SINH    | LỚP     | ĐIỂM THI |      |           | GHI CHÚ |
|----|-------------|-----------------|--------|------------|-------------|---------|----------|------|-----------|---------|
|    |             |                 |        |            |             |         | KTC      | THUD | KẾT QUẢ   |         |
| 33 | 28204600391 | Huỳnh Hà Trà    | My     | 01/06/2004 | Quảng Ngãi  | 31THT3  | 7.7      | 6.3  | Đạt       |         |
| 34 | 27208639258 | Võ Thị Hoài     | Nam    | 03/11/2003 | Quảng Bình  | 31SBN1  | 5.3      | 4.3  | Không Đạt |         |
| 35 | 27207144305 | Đinh Hà         | Ngân   | 22/01/2003 | Nghệ An     | 31SSC2  | 5.7      | 6.9  | Đạt       |         |
| 36 | 28204332778 | Võ Thị Thanh    | Ngân   | 28/06/2004 | Đà Nẵng     | 31TBN3  | 5.7      | 7.5  | Đạt       |         |
| 37 | 28204321663 | Huỳnh Hồng      | Ngọc   | 29/02/2004 | Đà Nẵng     | 31SSC2  | 5.7      | 7.0  | Đạt       |         |
| 38 | 28207403932 | Lê Trần Khánh   | Ngọc   | 16/11/2004 | Quảng Nam   | 31TBN3  | 8.3      | 9.8  | Đạt       |         |
| 39 | 28204606283 | Nguyễn Trần Bảo | Ngọc   | 26/07/2004 | Huế         | 31TBN3  | 6.7      | 5.5  | Đạt       |         |
| 40 | 28204750711 | Phạm Thị Thảo   | Nguyên | 01/12/2004 | Quảng Nam   | 31TBN3  | 6.7      | 5.0  | Đạt       |         |
| 41 | 27206602220 | Nguyễn Hồng     | Nhi    | 23/01/2003 | Bình Định   | 31THT3  | 7.7      | 9.0  | Đạt       |         |
| 42 | 27202902840 | Nguyễn Thị Lan  | Nhi    | 14/01/2003 | Đà Nẵng     | 31TBN3  | 6.7      | 6.5  | Đạt       |         |
| 43 | 27202641396 | Trương Hải Yến  | Nhi    | 22/05/2003 | Đà Nẵng     | 30TBN16 | 5.3      | 5.0  | Đạt       |         |
| 44 | 28204301009 | Huỳnh Thị Ngọc  | Nhị    | 04/07/2004 | Quảng Ngãi  | 31SSC2  | 7.7      | 8.4  | Đạt       |         |
| 45 | 28204737443 | Dương Thị Quỳnh | Như    | 07/06/2004 | Đà Nẵng     | 31TBN3  | 7.7      | 5.3  | Đạt       |         |
| 46 | 28206501780 | Lê Thị Kiều     | Oanh   | 03/04/2004 | Quảng Trị   | 31THT3  | 8.7      | 10.0 | Đạt       |         |
| 47 | 27203339336 | Nguyễn Thị Kim  | Oanh   | 02/08/2003 | Đà Nẵng     | 31TBN3  | 8.7      | 6.0  | Đạt       |         |
| 48 | 27212653500 | Trần Thanh Kiều | Oanh   | 10/07/2003 | Gia Lai     | 31THT3  | 9.0      | 9.5  | Đạt       |         |
| 49 | 28212347669 | Nguyễn Tấn      | Phát   | 24/01/2004 | Quảng Ngãi  | 31TYC1  | 5.0      | 5.0  | Đạt       |         |
| 50 | 28206501727 | Nguyễn Ngọc Anh | Phi    | 07/07/2004 | Quảng Ngãi  | 31TBN3  | 6.7      | 6.0  | Đạt       |         |
| 51 | 28219348472 | Trần Đình       | Phong  | 08/08/2004 | Quảng Trị   | 31THT3  | 4.0      | 5.0  | Không Đạt |         |
| 52 | 28214652661 | Trương Công     | Phúc   | 16/02/2004 | Đà Nẵng     | 31THT3  | 3.0      | 3.8  | Không Đạt |         |
| 53 | 27206628703 | Vũ Thị Minh     | Phương | 12/06/2003 | Nam Định    | 31THT3  | 4.7      | 4.5  | Không Đạt |         |
| 54 | 28212303481 | Phạm Công       | Quý    | 23/11/2004 | Gia Lai     | 31THT3  | 5.0      | 6.5  | Đạt       |         |
| 55 | 28204603300 | Võ Thị Ngọc     | Quỳnh  | 26/10/2004 | Phú Yên     | 31TBN3  | 6.0      | 6.0  | Đạt       |         |
| 56 | 28206903291 | Lê Thị Như      | Quỳnh  | 07/01/2004 | Bình Định   | 31SSC2  | 7.3      | 8.5  | Đạt       |         |
| 57 | 28204706838 | Nguyễn Thị Diễm | Quỳnh  | 29/07/2004 | Đắk Lắk     | 31TBN3  | 7.7      | 8.8  | Đạt       |         |
| 58 | 27217137887 | Lê Quang        | Son    | 04/09/2003 | Quảng Nam   | 31THT1  | 5.7      | 5.0  | Đạt       |         |
| 59 | 28218005503 | Phạm Hải        | Son    | 21/10/2004 | Đắk Nông    | 31THT3  | 5.3      | 7.8  | Đạt       |         |
| 60 | 28214147477 | Đinh Chí        | Sóng   | 30/03/2004 | Nghệ An     | 31SSC2  | 6.0      | 0.0  | Không Đạt |         |
| 61 | 28207451618 | Lại Thị Nguyệt  | Sương  | 05/01/2004 | Quảng Bình  | 31THT3  | 7.3      | 10.0 | Đạt       |         |
| 62 | 28209505177 | Lê Thị          | Sương  | 26/11/2004 | Quảng Trị   | 31SSC2  | 8.0      | 8.0  | Đạt       |         |
| 63 | 27211334771 | Nguyễn Hữu      | Tài    | 18/10/2003 | Quảng Trị   | 31THT3  | 7.0      | 6.8  | Đạt       |         |
| 64 | 27206647534 | Phạm Thị Thanh  | Tâm    | 03/11/2003 | Quảng Ngãi  | 31THT3  | 7.7      | 8.0  | Đạt       |         |
| 65 | 28214604744 | Nguyễn Bảo      | Thân   | 08/10/2004 | Phú Yên     | 31SSC2  | 6.0      | 5.9  | Đạt       |         |
| 66 | 28204646697 | Đoàn Thị Phương | Thanh  | 26/01/2004 | Quảng Trị   | 31TBN3  | 6.3      | 5.0  | Đạt       |         |
| 67 | 28204322977 | Hồ Thị Thanh    | Thảo   | 07/03/2004 | Hồ Chí Minh | 31SSC2  | 4.0      | 9.0  | Không Đạt |         |

Ghi chú: Các học viên có kết quả "Không đạt" phải tự theo dõi lịch thi các đợt tiếp theo và đăng ký thi lại các phần thi được tô màu đỏ(không đạt phần thi nào thì thi lại phần thi đó). Phần Cơ bản không đạt sẽ bị hủy điểm thi phần Nâng cao theo đúng nội dung thông báo.

| TT  | MÃ HỌC VIÊN | HỌ VÀ TÊN          | NGÀY SINH | NƠI SINH   | LỚP        | ĐIỂM THI |      |         | GHI CHÚ   |  |
|-----|-------------|--------------------|-----------|------------|------------|----------|------|---------|-----------|--|
|     |             |                    |           |            |            | KTC      | THUD | KẾT QUẢ |           |  |
| 68  | 28204852907 | Huỳnh Thị Phương   | Thảo      | 27/06/2004 | Quảng Nam  | 31THT3   | 5.0  | 5.0     | Đạt       |  |
| 69  | 28206554765 | Lê Thị Kim         | Thảo      | 03/02/2004 | Đắk Lắk    | 31THT3   | 5.7  | 5.6     | Đạt       |  |
| 70  | 27207131320 | Lê Thị Thanh       | Thảo      | 25/04/2003 | Quảng Nam  | 31THT3   | 6.7  | 6.5     | Đạt       |  |
| 71  | 28204353176 | Đặng Thị Kim       | Thư       | 21/07/2004 | Quảng Ngãi | 31SSC2   | 4.3  | 5.5     | Không Đạt |  |
| 72  | 28204649834 | Đào Ngọc Anh       | Thư       | 09/01/2003 | Đà Nẵng    | 31TBN3   | 5.3  | 4.0     | Không Đạt |  |
| 73  | 29205121453 | Nguyễn Thị Thúy    | Thư       | 04/02/2005 | Quảng Nam  | 31TBN3   | 5.7  | 5.0     | Đạt       |  |
| 74  | 28204151607 | Trần Anh           | Thư       | 31/03/2004 | Đà Nẵng    | 31SSC2   | 4.3  | 7.0     | Không Đạt |  |
| 75  | 28204652990 | Lê Thị Hoài        | Thương    | 27/10/2004 | Quảng Trị  | 31SSC2   | 8.7  | 9.5     | Đạt       |  |
| 76  | 27207142032 | Lê Thương          | Thương    | 12/07/2003 | Quảng Ngãi | 31THT3   | 4.3  | 3.5     | Không Đạt |  |
| 77  | 28204746366 | Ngô Thị            | Thương    | 21/05/2004 | Đà Nẵng    | 31TBN3   | 3.3  | 6.5     | Không Đạt |  |
| 78  | 27206634901 | Hứa Trần Thị Thúy  | Tiên      | 27/09/2003 | Quảng Nam  | 31THT3   | 4.7  | 4.1     | Không Đạt |  |
| 79  | 27208601880 | Nguyễn Thị Thủy    | Tiên      | 09/12/2003 | Đắk Lắk    | 31CSC1   | 8.0  | 5.0     | Đạt       |  |
| 80  | 28205204242 | Đặng Thị Kim       | Tiết      | 29/08/2004 | Đắk Lắk    | 31TBN3   | 8.7  | 9.0     | Đạt       |  |
| 81  | 28217101592 | Phạm Hữu           | Tinh      | 16/08/2004 | Đắk Lắk    | 31THT3   | 6.0  | 7.5     | Đạt       |  |
| 82  | 28204651752 | Nguyễn Ngọc Bảo    | Trâm      | 23/01/2004 | Quảng Nam  | 31THT3   | 7.3  | 7.0     | Đạt       |  |
| 83  | 29206135954 | Nguyễn Thị Ngọc    | Trân      | 02/02/2005 | Quảng Nam  | 31TBN3   | 6.3  | 5.3     | Đạt       |  |
| 84  | 28206205264 | Lê Nữ Thanh        | Trang     | 07/08/2004 | Quảng Ngãi | 31SSC2   | 7.7  | 5.8     | Đạt       |  |
| 85  | 26207135134 | Lê Thị Thùy        | Trang     | 11/08/2002 | Đà Nẵng    | 31TBN3   | 7.0  | 5.9     | Đạt       |  |
| 86  | 27212102061 | Lê Văn             | Tri       | 05/07/2003 | Huế        | 30SSC8   | 8.0  | 5.8     | Đạt       |  |
| 87  | 27204720635 | Lương Thị Kiều     | Trinh     | 22/12/2003 | Đắk Lắk    | 31THT3   | 6.0  | 9.3     | Đạt       |  |
| 88  | 28206505005 | Phan Thu           | Trinh     | 09/04/2004 | Quảng Trị  | 31THT3   | 8.0  | 7.5     | Đạt       |  |
| 89  | 28209338225 | Nguyễn Thị Bích    | Tuyền     | 26/01/2004 | Quảng Nam  | 31SSC2   | 8.0  | 7.3     | Đạt       |  |
| 90  | 28206506452 | Hoàng Tổ           | Uyên      | 03/03/2004 | Quảng Nam  | 31TBN3   | 8.0  | 6.0     | Đạt       |  |
| 91  | 28204601493 | Nguyễn Thảo        | Uyên      | 11/12/2004 | Quảng Nam  | 31SSC2   | 7.3  | 8.8     | Đạt       |  |
| 92  | 28204606694 | Nguyễn Thị         | Uyên      | 01/11/2004 | Nam Định   | 31TBN3   | 5.0  | 6.0     | Đạt       |  |
| 93  | 28204303949 | Nguyễn Thị Bảo     | Uyên      | 02/01/2004 | Quảng Nam  | 31THT3   | 5.7  | 3.0     | Không Đạt |  |
| 94  | 28217102275 | Nguyễn Hoàng Tường | Vi        | 24/08/2004 | Gia Lai    | 31THT3   | 7.0  | 6.1     | Đạt       |  |
| 95  | 28204651959 | Nguyễn Thúy        | Vi        | 21/10/2004 | Khánh Hòa  | 31SSC2   | 6.3  | 6.4     | Đạt       |  |
| 96  | 0886775097  | Trương Minh        | Vũ        | 13/07/2004 | Quảng Trị  | 31TBN3   | 7.7  | 7.1     | Đạt       |  |
| 97  | 28206203247 | Nguyễn Tường       | Vy        | 11/08/2004 | Đắk Lắk    | 31SSC2   | 5.0  | 7.8     | Đạt       |  |
| 98  | 28207104573 | Ông Thị Khánh      | Vy        | 31/07/2003 | Đà Nẵng    | 31THT3   | 3.3  | 4.5     | Không Đạt |  |
| 99  | 0963858502  | Phạm Thảo          | Vy        | 12/01/2004 | Khánh Hòa  | 31TBN3   | V    | V       | Không Đạt |  |
| 100 | 27202929368 | Trần Lê Thu        | Vy        | 11/12/2003 | Bình Định  | 31TBN3   | 4.0  | 5.0     | Không Đạt |  |

Ghi chú: Các học viên có kết quả "Không đạt" phải tự theo dõi lịch thi các đợt tiếp theo và đăng ký thi lại các phần thi được tô màu đỏ(không đạt phần thi nào thì thi lại phần thi đó). Phần Cơ bản không đạt sẽ bị hủy điểm thi phần Nâng cao theo đúng nội dung thông báo.

| TT | MÃ HỌC VIÊN | HỌ VÀ TÊN | NGÀY SINH | NƠI SINH | LỚP | ĐIỂM THI |      |         | GHI CHÚ |
|----|-------------|-----------|-----------|----------|-----|----------|------|---------|---------|
|    |             |           |           |          |     | KTC      | THUD | KẾT QUẢ |         |

(Đã ký)

Dương Trương Quốc Khánh